

PHE PHÁI, LỢI ÍCH NHÓM VÀ QUYỀN LỰC Ở VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XIX

Dương Duy Bằng-Vũ Đức Liêm
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt

Nghiên cứu này khảo sát cuộc đấu tranh quyền lực và phe nhóm trong nội bộ triều đình Huế đầu thế kỷ XIX và lập luận rằng xung đột phe phái là mối đe dọa lớn nhất ảnh hưởng đến sự ổn định nền chính trị và thống nhất lãnh thổ ở Việt Nam trong thời kỳ Gia Long, Minh Mệnh. Bằng cách định vị các mạng lưới quyền lực và phân tích mối tương quan giữa chúng, bài viết muốn góp phần làm sáng tỏ những đặc trưng của cấu trúc chính trị và sự cân bằng phe phái mong manh tại triều đình Huế; trả lời các câu hỏi về sự tương tác giữa các quan chức hàng đầu? nguyên nhân dẫn đến sự thù hận? và động cơ của chúng? Bài viết không chỉ hướng tới giải mã những vấn đề lớn ở hậu trường của một nền chính trị nhiều biến động mà còn gợi mở về phong cách điều hành chính sự của Gia Long và Minh Mệnh cũng như nỗ lực không mệt mỏi của họ nhằm củng cố nền hành chính tập quyền và thống nhất lãnh thổ. Thành công của họ trong việc xây dựng nền chính trị hậu chiến đặt viên gạch nền móng cho sự ra đời của nước Việt Nam hiện đại.

Từ khóa: Gia Long, Minh Mệnh, lịch sử chính trị, triều Nguyễn, xung đột phe phái.

FACTIONALISM, GROUP INTEREST, AND POWER IN EARLY NINETEENTH CENTURY VIETNAM

Abstract

This is a story of factionalism and political power in the early nineteenth century Vietnam. It argues that factional tensions attributed to the most political turmoil in Hue between 1802 and the late 1830s and threatened the unity and stability of the newly-unified Vietnamese state and territory. Fortunately, Gia Long's skillful maneuver and Minh Menh's determination of centralization and bureaucratic institutionalization weakened the factional forces and neutralized those power-hungry officials. Because of this success, this paper suggests, they placed the foundation for the making of modern Vietnam.

Keywords: Gia Long, Minh Mệnh, factionalism Vietnamese political history.

DẪN NHẬP

Nghiên cứu này khảo sát cuộc đấu tranh quyền lực và phe nhóm trong nội bộ triều đình Huế đầu thế kỷ XIX và lập luận rằng xung đột phe phái là mối đe dọa lớn nhất ảnh hưởng đến sự ổn định nền chính trị và thống nhất lãnh thổ ở Việt Nam trong

thời kỳ Gia Long, Minh Mệnh. Bằng cách định vị các mạng lưới quyền lực và phân tích mối tương quan giữa chúng, bài viết muốn góp phần làm sáng tỏ những đặc trưng của cấu trúc chính trị và sự cân bằng phe phái mong manh tại triều đình Huế; trả lời các câu hỏi về sự tương tác giữa các quan chức hàng đầu? nguyên nhân dẫn đến sự thù hận? và động cơ của chúng? Bài viết không chỉ hướng tới giải mã những vấn đề lớn ở hậu trường của một nền chính trị nhiều biến động mà còn gợi mở về phong cách điều hành chính sự của Gia Long và Minh Mệnh cũng như nỗ lực to lớn của họ nhằm củng cố nền hành chính tập quyền và thống nhất lãnh thổ. Thành công của họ trong việc xây dựng nền chính trị thời hậu chiến đặt viên gạch nền móng cho sự ra đời của nước Việt Nam hiện đại dựa trên việc thống nhất các vùng miền và xu hướng chính trị đa dạng.¹

Ý nghĩa của khảo sát này nằm ở chỗ vương triều Nguyễn và sử quan của họ cố gắng đẩy các mối xung đột theo hướng mâu thuẫn cá nhân thay vì coi “bè phái” như một vấn đề có tính hệ thống.² Nỗ lực làm giảm nhẹ tranh đấu trong triều đình không chỉ làm đẹp hình ảnh của nhà vua và vương triều thái bình, thịnh trị, mà còn nằm trong ý thức hệ cốt lõi của người trí thức thực hành Nho giáo. Sách Luận Ngữ viết: “吾聞君子不黨” (tôi nghe: người quân tử không kết bè đảng).³ Trong hàng nghìn năm, điều này đã dẫn dắt sự nghiệp của các nho sĩ vào chốn quan trường ở Đông Á. Mặc dù vậy, phần lớn họ đã không thể đứng ngoài các mối quan hệ quyền lực phức tạp. Phân tích động cơ quan chức hình thành phe nhóm và cuộc đấu tranh giữa họ giúp hiểu rõ vai trò của xung đột cá nhân đối với sự vận hành của nền chính trị ở cấp độ quốc gia. Bằng cách tìm ra các giá trị họ theo đuổi, quyền lợi họ tranh đấu, thủ đoạn họ sử dụng để triệt hạ đối thủ, chúng sẽ soi rọi nhiều hiểu biết quan trọng về cuộc đời của những người vận hành xã hội và vấn đề cốt lõi mà những người này phải đối mặt trong thời đại của mình.

Hệ thống quan liêu là một thế giới đầy rủi ro với các quan chức “cô độc”, nơi mà tiền thân nhờ thi cử chỉ là bước đầu tiên. Quan hệ, mạng lưới, sự bảo trợ, tiến cử,

¹ Li Tana gợi ý về Đảng Trong như một cách thức khác để trở thành Việt Nam. Li Tana. 1998. An Alternative Vietnam? The Nguyen Kingdom in the Seventeenth and Eighteenth Centuries. *Journal of Southeast Asian Studies*, 29(1), 111-121. Keith Taylor phát triển ý tưởng này liên quan đến các khuynh hướng chính trị đa dạng ở sơ kỳ hiện đại Việt Nam: 1998. Surface Orientations in Vietnam: Beyond Histories of Nation and Region. *The Journal of Asian Studies*, 57(4), 949-978. Victor Lieberman ủng hộ ý tưởng này trong (2003). *Strange Parallels: Volume 1, Integration on the Mainland: Southeast Asia in Global Context, c. 800-1830*. Cambridge: Cambridge University Press, chương IV. Xem thêm Vũ Đức Liêm. 2016. Tái định vị xứ Đảng Trong trong không gian Đông Á và Đông Nam Á, thế kỷ XVI-XVIII. *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, số 4 (130), tr. 12-14.

² Xem nhận xét của Vũ Xuân Cẩn về các quyền thần như Lê Chất, Lê Văn Duyệt, Nguyễn Văn Thành. Quốc sử Quán nhà Nguyễn. 1889. *Đại Nam Liệt Truyện (ĐNLT)*, sơ tập (I). Tokyo: Keio Institute of Linguistic Studies, 1962, q. 23: 26b.

³ Luận ngữ, Thuật nhi, <http://ctext.org/analects/shu-er/zh>

đề cử, và tham nhũng quyền lực là những yếu tố thường trực chi phối khung cảnh chính trị Đông Á thời tiền hiện đại. Tại Trung Hoa, các nhóm quan liêu, các *đảng* (黨) hay *bằng đảng* (朋黨) là nổi ám ảnh thường trực đối với các vương triều.⁴ Sự thảm khốc của xung đột bè phái là nguyên nhân làm suy yếu và sụp đổ từ bên trong của nhiều hệ thống chính trị, dù thủ phạm là các quý tộc thời Đường, các viên tể tướng thời Tống, thái giám thời Minh hay các thân vương và Quân Cơ đại thần thời Thanh.⁵

Điều này xuất phát từ khung cảnh thực tế là lớp quan liêu ở Trung Hoa hay Việt Nam phát triển sự nghiệp trong một môi trường cạnh tranh cao độ. Tỷ lệ quan chức thấp trên số dân. Thống kê năm 1471 cho thấy chỉ có khoảng 2.700 viên chức được bổ nhiệm tại triều đình Thăng Long, trong đó 70% là võ quan.⁶ Vào đầu thế kỷ XVIII, toàn bộ chính quyền Lê-Trịnh ở Đàng Ngoài có khoảng 3.500 quan lại.⁷ Ngay cả triều Thanh cũng chỉ có 25.000 quan chức cai trị hơn 200 triệu dân vào giữa thế kỷ XVIII.⁸ Khi hệ thống quan liêu được phát triển hoàn thiện ở Việt Nam vào những năm 1830s và đầu 1840s, tại Huế có khoảng 40 quan chức từ tam phẩm trở lên, 30 trong số này nắm giữ các vị trí chủ chốt trong sáu bộ. Tại các tỉnh, có khoảng 70 quan chức với phẩm hàm tương tự, bao gồm 12 tổng đốc. Như vậy khoảng 110 quan chức tam phẩm trở lên là đầu não của bộ máy cai trị khoảng 8 đến 10 triệu người trên một diện tích khoảng hơn 400.000 km² (nếu tính cả Cambodia), phân thành 72 phủ, 39 châu và 283 huyện.⁹ Tất cả sự thăng tiến quyền lực đều được thực hiện thông qua mạng lưới quan chức cấp cao

⁴ Levine, Ari. 2006. "Terms of Estrangement: Factional Discourse in the Early Huizong Reign, 1100–1104." In *Emperor Huizong and Late Northern Song China: The Politics of Culture and the Culture of Politics*, eds., Patricia B. Ebrey and Maggie Bickford, pp. 131–170. Cambridge, MA: Harvard University Asia Center.

⁵ Một trong những trường hợp điển hình và thảm khốc của cuộc đấu tranh bè phái trong cung đình là giữa đảng Đông Lâm và các thái giám vào cuối nhà Minh. Xem John W. Dardess. 2002. *Blood and History in China: The Donglin Faction and Its Repression, 1620-1627*. Honolulu: Hawaii University Press. Sự thống trị của đảng Hòa Thân là một trường hợp đáng lưu ý khác vào thời nhà Thanh. Nó cho thấy khả năng lũng đoạn quyền lực của một quan chức có thể tạo ra sự suy yếu cho cả hệ thống chính trị trước đó được tổ chức chặt chẽ, trên một vương quốc 300 triệu dân. Xem Bartlett, B. S. 1991. *Monarchs and ministers: the Grand Council in Mid-Ching China, 1723-1820*. Berkeley: University of California Press, pp. 233-239.

⁶ Keith W. Taylor. 2003. *A History of the Vietnamese*. Cambridge University Press, p. 214.

⁷ Trương Hữu Quýnh. Tình hình chế độ ruộng đất ở nước ta thế kỷ XVIII. *Nghiên cứu Lịch sử*, số 207 (1982): tr. 53.

⁸ Mark C. Elliott. 2009. *Emperor Qianlong: Son of Heaven, Man of the World*. New York: Pearson Longman, p. 15

⁹ Alexander Woodside ước tính dân số giữa thế kỷ XIX khoảng 8 triệu người, Alexander Woodside. 1988. *Vietnam and the Chinese model*. MA: Harvard University Press, p. 143. Li Tana và Yumio Sakurai cũng có những thống kê tương tự. Li Tana. 1998. *Nguyen Cochinchina*. Ithaca: Cornell University Press, pp. 159–72; Yumio Sakurai, "Vietnam After the Age of Commerce" (ms), 1, 3. Về số phủ huyện thời kỳ Tự Đức, Trương Quốc Dụng, Công Hạ Ký Văn, Thư viện Đông Dương Văn Khố (Toyo Bunko), p. 91; Woodside 1988: 143.

này. Họ chính là trung tâm của hệ thống chính trị. Tuy nhiên, như chúng ta sẽ thấy, thực tế chỉ có sáu viên thượng thư (có đầy đủ từ 1809), 4 viên quan Nội Các (lập năm 1829) và 4 viên Cơ mật đại thần (lập 1834) là làm việc trực tiếp hàng ngày với hoàng đế và nắm giữ vận mệnh của hệ thống quan liêu bên dưới.

Trong một môi trường “chật chội” và tính cạnh tranh cao, viên chức cấp thấp phải tìm cách gia nhập vào mạng lưới của hệ thống cấp trên, từ đó tiếp cận trung tâm quyền lực là hoàng đế. Trong cuộc đua này, không chỉ danh tiếng, tài năng mà còn sự bảo trợ của phe nhóm sẽ giúp định hình nên tương lai của mỗi thành viên và cách thức họ đạt được chỗ đứng trong nền chính trị. Vì thế, phe nhóm là hiện tượng hầu như không thể tránh khỏi bởi trong một thế giới hạn chế các mối giao thiệp, thông tin liên lạc, và bị giới hạn trong khuôn khổ chật hẹp của các lễ giáo và quy phạm hành chính, đạo đức, một viên chức hầu như có ít mối quan hệ, ít khả năng tiếp xúc bên ngoài mạng lưới của mình.

Từ “mạng lưới” (thầy trò, đồng hương, đồng khoa, người bảo trợ, đề cử...) đến “phe nhóm” là một khoảng cách mong manh. Không phải ai cũng “gặp may” như Lý Văn Phức (đỗ hương cống, 1819), từng bị kết án trăm giam hậu vì nhận hối lộ, sau đó được Minh Mệnh thăng lên đến tham tri bộ Công. Theo chính lời của vị hoàng đế, “Trẫm từng nhớ năm trước, khi đi tế Nam Giao, xa giá đi qua cầu phao, cầu đứt làm ta sợ, người một mình chạy trước đến hầu giá. Trẫm nghĩ đến lòng thành thực yêu vua của người, bèn cất nhắc lên dùng, nên người mới có ngày nay”.¹⁰ Cầu phao không phải lần nào vua đi qua cũng đứt nên cơ hội thăng tiến như của Lý Văn Phức là không nhiều. Vì thế, các quan chức bậc trung có hai cách tiến thân, thứ nhất là tấu trình về các ý tưởng táo bạo và thứ hai là tìm cách gian dối thành tích. May mắn là cả hai không phải là cách yêu thích để Gia Long và Minh Mệnh chọn người thân tín, thay vào đó họ quan sát khả năng làm việc của quan chức một cách kỹ lưỡng.

KHUNG CẢNH CỦA XUNG ĐỘT PHE NHÓM

Đầu thế kỷ XIX dường như là một không gian hoàn hảo cho sự ra đời và vận hành của các nhóm chính trị. Mở đầu là năm 1802, nhà vua mới của nước Việt Nam thống nhất, Gia Long ngự trên ngai vàng ở Huế. Dù tổ tiên đã cai trị vùng đất này trong

¹⁰ Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam Thực Lục (*ĐNTL*), đệ nhị kỷ (II). Tokyo: Institute of Culture and Linguistic Studies, 1963-1977, q. 207: 35a.

gần 200 năm, với ông, đó là vùng đất xa lạ nằm dưới sự kiểm soát của kẻ thù (quân Trịnh và Tây Sơn) trong gần hai thập kỷ. Trong cuộc chạy loạn về phía nam lúc 12 tuổi, phần lớn các thành viên thân thích trong gia đình ông bị giết hại. Giờ đây nhà vua cai trị trong một hoàng cung đầy sự nghi kỵ, trên một vương quốc với nhiều xung đột. Bắc Hà là một thế giới khác, nơi cư dân chỉ biết có nhà Lê. Với họ, ông đơn giản là một phiên thần nổi loạn. Phía nam của Huế, Bình Định là thành trì cũ của Tây Sơn. Trên điện triều là những văn thần, võ thần đầy quyền lực, nhìn nhau với sự thù địch: Lê Văn Duyệt, Lê Chất, Đặng Trần Thường, Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Văn Trương, và các viên chức phương Tây nhiều tham vọng.

Hai thập kỷ sau, trên ngai vàng lúc này là vị hoàng đế 30 tuổi, Minh Mệnh. Tham vọng thống nhất lãnh thổ, thể chế và tập trung quyền lực của ông sẽ tấn công trực diện vào địa vị và quyền lợi của các phe nhóm chính trị lớn. Dù hơn nửa trong số các lão thần kỳ cựu theo Gia Long rời khỏi võ đài vì tuổi tác hay thất thế do xung đột phe phái, phe chiến thắng: Lê Văn Duyệt và Lê Chất đang ở đỉnh cao quyền lực. Hai người này thống trị Bắc Thành (Bắc Kỳ) và Gia Định Thành (Nam Kỳ) như những “phó vương”. Ảnh hưởng của họ không chỉ dựa trên tay chân thân cận trong triều mà còn ở chỗ Minh Mệnh phải dựa vào uy tín quân sự của họ để chống lại các cuộc nổi dậy và giữ vững bờ cõi trước nguy cơ xâm lấn từ Siam.¹¹ Đến năm 1821, Lê Văn Duyệt đã theo phò nhà Nguyễn 40 năm, hơn cả tuổi đời của Minh Mệnh. Quyền lực của Lê Văn Duyệt, Lê Chất là không thể thách thức.

Chúng ta sẽ thấy, bên dưới ngai vàng ở Huế là một tập hợp đa dạng các võ quan, văn thần, những người đại diện cho các vùng miền, xuất thân, thời gian gia nhập, truyền thống khoa cử và phong cách thực hành chính trị khác nhau. Khi lãnh thổ, triều đại và thiết chế chính trị mới được thống nhất, cấu trúc lỏng lẻo của nhà nước và một thể chế chưa hoàn thiện là cơ hội cho các phe nhóm mở rộng không gian quyền lực. Những người này can dự vào một thế giới mà mâu thuẫn giữa các quyền thần có thể dẫn đến sự chao đảo của nền chính trị, cũng như tham vọng quyền lực của họ phủ bóng đen lên ngai vàng triều đại. Nhưng đó cũng là một thế giới mà vai trò của các nhà lãnh đạo khôn khéo như Gia Long, mạnh mẽ và tài năng như Minh Mệnh đã giúp kiểm soát và hạn chế xung đột phe nhóm, góp phần vào sự ổn định của vương triều. Một bài học mà có thể nền chính trị Việt Nam hiện tại có thể tham khảo.

¹¹ *DNLT*, I, q. 23: 11b.

NGUỒN GỐC CỦA XUNG ĐỘT

Nguồn gốc xung đột trong triều đình Huế dường như là một mô hình thu nhỏ của chính các mối quan hệ vùng miền, địa chính trị và dân cư phức tạp mà vương triều này đang phải đương đầu. Lãnh thổ Đại Nam là một thực thể trải qua nhiều biến động. Sau hai thế kỷ chia cắt, không gian này bị xâu xé bởi các triều đại, nhóm vũ trang địa phương, các dòng họ lớn, và các dự án chính trị. Thay đổi qua thời kỳ Lê-Trịnh, chúa Nguyễn, Tây Sơn và vương triều Nguyễn đã tạo ra những thế giới với các khuynh hướng riêng mà sử gia hiện đại gọi là “những cách thức khác nhau để trở thành Việt Nam”.¹²

Đấu tranh phe phái trong triều đình Gia Định bắt đầu từ trước khi Tây Sơn bị đánh bại năm 1802. Sự phức tạp trong thành phần những người theo Nguyễn Ánh là nguyên nhân chủ đạo (xem bảng I). Đầu tiên là nhóm công thần Vọng Các (những người theo Nguyễn Ánh sang Bangkok, 1784-1787) và những người gia nhập ở miền Nam với nhóm những người đến sau, từ miền Bắc vào, đặc biệt là hàng tướng Tây Sơn như Lê Chất, Nguyễn Văn Trương. Sự dèm pha đối với các tướng lĩnh này luôn là vấn đề gây chia rẽ quân Gia Định và buộc Nguyễn Ánh phải nhiều lần can thiệp trấn an.¹³

Mâu thuẫn nhóm thứ hai, quyết liệt và lâu dài hơn, giữa phe tướng lĩnh “trận mạc” Lê Văn Duyệt, Lê Chất với các tướng lĩnh “học giả” như Nguyễn Văn Thành, Đặng Trần Thường. Quân của Nguyễn Ánh chia làm 5 đạo. Lê Văn Duyệt là Chương Tả quân, xuất thân thái giám, theo Nguyễn Ánh lúc 17 tuổi, trong khi Nguyễn Văn Thành, Chương Tiền quân được coi là có học thức, cha là cai đội của chúa Nguyễn. Ông cùng cha phò chúa Nguyễn và Nguyễn Ánh từ lúc 15 tuổi (1773), nổi tiếng trong quân không chỉ tài năng quân sự mà còn sự uyên thâm văn chương và khả năng bày mưu tính kế, hoạch định chính sách.¹⁴ Đối lập với Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt lấy dũng làm cơ sở tiến thân, như ông thể hiện trong trận Thị Nại (1801).¹⁵

Cùng phe với Nguyễn Văn Thành là Đặng Trần Thường. Ông đỗ sinh đồ nhà Lê, theo Nguyễn Ánh từ 1794 với chức Hữu tham tri Lại bộ. Nổi tiếng với khả năng “gây thù chuốc oán”, Đặng Trần Thường nhanh chóng trở thành đối thủ của Lê Chất.

¹² Christopher E. Goscha gần đây phát triển ý tưởng của Li Tana và Keith Taylor trong: 2016. *The Penguin History of Modern Vietnam*, Penguin Books, phần Giới Thiệu.

¹³ *DNTL*; I, q. 20: 2a.

¹⁴ *DNTL*, I, q. 15: 35b; q. 40: 1a.

¹⁵ Vu Duc Liem. 2017. *The Age of Sea Falcons: naval warfare in Vietnam, 1771-1802*. In K. Wellen & M. Charney (Eds.), *Warring Societies of Pre-Colonial Southeast Asia: Local Cultures of Conflict Within a Regional Context*. Copenhagen: Nordic Institute of Asian Studies, p. 125.

Nguyễn Văn Thành và Đặng Trần Thường tập hợp quanh mình các trí thức Bắc Hà như Vũ Trinh, Nguyễn Gia Cát. Họ đóng vai trò quan trọng ở buổi đầu trong việc xác lập thể chế của triều Nguyễn cho đến khi Nguyễn Văn Thành bị thất thế năm 1816, dẫn đến sự sụp đổ của cả nhóm này. Nhờ có họ mà tổ chức triều đình của Gia Long ở buổi đầu có hơi hướng của triều Lê, mặc dù hệ thống dinh trấn bên dưới mô phỏng lại theo tổ chức của Đàng Trong. Cạnh tranh với Nguyễn Văn Thành và Đặng Trần Thường là các học giả xuất thân từ Gia Định (và Đàng Trong) như Đặng Đức Siêu, Ngô Nhân Tịnh, Lê Quang Định, Trịnh Hoài Đức, Phạm Đăng Hưng. Phần lớn trong số này xuất thân Minh Hương, là nòng cốt giúp Nguyễn Ánh xây dựng hệ thống chính trị ở Gia Định trước năm 1802. Đặng Đức Siêu là thầy dạy của Minh Mệnh, trong khi Trịnh Hoài Đức và Phạm Đăng Hưng là các cố vấn đặc biệt quan trọng cho ông trong những năm đầu.

Cùng phe với Lê Văn Duyệt là Lê Chất, một người Bình Định. Ông phục vụ dưới trướng Tây Sơn trước khi đến Quy Nhơn đầu hàng Nguyễn Ánh năm 1799. Hai năm sau, ông được phong Quận công, và 1802, thành Chương hậu quân, lãnh binh đánh ra Bắc Hà. Mặc dù sự thăng tiến nhanh chóng đến mức không có tiền lệ này làm cho nhiều quan lại và tướng lĩnh dị nghị, Lê Chất giành được sự tin tưởng của Gia Long.¹⁶ Lê Văn Duyệt và Lê Chất cùng sát cánh trong nhiều chiến dịch quân sự và có vẻ như cả hai coi thường sự “nhút nhát” của Nguyễn Văn Thành, cũng như ghen tị với khả năng can dự vào các quyết sách chính trị của ông.¹⁷

Bảng I. Chỉ huy các quân của Gia Long năm 1802-1803

Thứ quân	Chương quân	Năm mất	Phó tướng
Tiền quân	Nguyễn Văn Thành	1817	Nguyễn Đình Đắc
Trung quân	Nguyễn Văn Trương	1810	Nguyễn Văn Vân
Hậu quân	Lê Chất	1826	Võ Đình Duyệt
Tả quân	Lê Văn Duyệt	1832	Phan Văn Đức
Hữu quân	Nguyễn Hoàng Đức	1819	Nguyễn Văn Hiều
Thần võ quân	Phạm Văn Nhân	1815	Trần Quang Thái
Chấn võ quân	Nguyễn Văn Nhân	1822	Lê Tiến Sâm

Nguồn: *DNTL, DNLT*

Mâu thuẫn giữa hai nhóm này sẽ định hình lịch sử Việt Nam ít nhất là ba thập kỷ sau đó. Gia Long biết rõ điều này và tìm cách tạo ra sự ganh đua giữa hai bên bằng cách phái Đặng Trần Thường đi theo Nguyễn Văn Thành.¹⁸ Nhà vua Nguyễn sau đó

¹⁶ *DNTL*, I, q. 20: 2b.

¹⁷ Cao Xuân Dục. Quốc triều chính biên toát yếu, thư viện Quốc gia, R. 349, q.1: 34a.

¹⁸ *DNTL*: I, q. 10: 3b.

tìm cách dung hòa bằng việc cử Nguyễn Văn Thành ở Hà Nội và Lê Văn Duyệt vào Gia Định. Tài năng của họ sẽ giúp ông quản lí các vùng đất này gần như trong suốt thời kỳ trị vì. Nguyễn Văn Thành, với tri thức của mình còn được giao biên soạn Hoàng Việt luật lệ (1812), và rõ ràng đã gây được ảnh hưởng lớn ở Huế trong những năm 1812-1816, bao gồm cuộc vận động cho con của hoàng tử Cảnh (hoàng tôn Đán) lên kế ngôi, trong lúc mà Lê Văn Duyệt và Lê Chất phải tiến hành nhiều chiến dịch quân sự ở hai đầu đất nước. Nhưng đó cũng là lúc bi kịch bắt đầu.

CUỘC CHIẾN NGAI VÀNG NĂM 1816

Mâu thuẫn phe phái và cuộc tranh giành ngôi vị thái tử năm 1816 là một trong những sự kiện quan trọng nhất ở Việt Nam đầu thế kỷ XIX. Tổng tài Trương Đăng Quế và các sử quan nhà Nguyễn chắc chắn đã cố tình làm giảm tính chất nghiêm trọng của xung đột này nhằm gia tăng tính chính thống cho ngai vàng của Minh Mệnh. Tuy nhiên, những gì diễn ra cho thấy ảnh hưởng sâu sắc của cuộc tranh chấp làm chia rẽ triều đình, gây ra mất cân bằng cán cân quyền lực phe nhóm, và thiết lập trật tự quyền lực chính trị mới ở Việt Nam trong những năm 1820.

Gia Long, lúc này 54 tuổi, nhận ra bầu không khí căng thẳng trong triều đình liên quan đến cuộc chiến kế vị, đặc biệt là bắt đầu hoài nghi cuộc vận động của Nguyễn Văn Thành ở Huế. Văn thần kỳ cựu như Trịnh Hoài Đức, trong một bữa tiệc cũng phải can ngăn rằng “Việc lớn của nhà nước, quyết định do ở lòng vua, nếu người bày tôi định kế riêng, tham lấy công to thì tội lại lớn.”¹⁹ Với sự “đa nghi” được rèn luyện qua hơn nửa đời người bôn ba, Gia Long rõ ràng nhìn hoạt động này hoàn toàn xuất phát từ ý đồ cá nhân của Nguyễn Văn Thành nhằm thao túng triều chính bằng việc đưa lên ngai một ông vua nhỏ tuổi.²⁰ Để tạo ra đối trọng với Nguyễn Văn Thành, năm 1815, Gia Long gọi Lê Văn Duyệt về Huế. Ban đầu, Lê Văn Duyệt có vẻ cũng không hài lòng với địa vị “không chính thống” của hoàng tử Đam (con thứ phi), cũng như lo ngại ảnh hưởng tiêu cực của một ông vua “Nho giáo” đối với giao tiếp của ông với phương Tây, đặc biệt là thương nhân và giáo sĩ. Mặc dù vậy, Lê Văn Duyệt đã thoát ra khỏi cuộc chiến cung đình này một cách an toàn bằng việc tuân theo ý chí của Gia Long. Ông thậm chí còn ghi điểm với nhà vua tương lai bằng việc giúp hạ bệ Nguyễn Văn Thành

¹⁹ *DNTL*: I, q. 51: 16b

²⁰ *DNTL*: I, q. 51: 16b.

bằng việc tố cáo bài thơ được cho là phản nghịch do con Nguyễn Văn Thành là Nguyễn Văn Thuyên làm và gửi cho một người bạn trong đó nói đến ý tưởng về việc “xoay chuyển vận hội” (佐我經綸轉化機).²¹

Trong cuộc chiến này, đối thủ của Lê Văn Duyệt và Lê Chất bị tổn thất nặng nề. Ba năm trước, đồng minh thân cận của Nguyễn Văn Thành là Đặng Trần Thường và Nguyễn Gia Cát trở thành nạn nhân của Lê Chất khi ông được cử thay Nguyễn Văn Thành phụ trách Bắc Thành. Đặng Trần Thường bị giết năm 1813. Khi vụ án bài thơ phản nghịch được đưa lên, Lê Văn Duyệt được cử đi tra xét và Nguyễn Văn Thuyên nhận tội. Nguyễn Văn Thuyên sau đó bị hành hình, Nguyễn Văn Thành tạt sát, và một đồng minh khác của ông ở triều đình là Vũ Trinh bị đày đến Quảng Nam.²² Thất bại của phe Nguyễn Văn Thành dẫn đến sự sụp đổ của mạng lưới các trí thức Bắc Hà thế hệ đầu tiên phụng sự nhà Nguyễn và tạo điều kiện cho nhiều nhân vật mới từ miền trung nổi lên như Trương Đăng Quế (Quảng Ngãi), Vũ Xuân Cẩn (Quảng Bình), Hoàng Kim Xán (Quảng Bình), Phan Huy Thực (Hà Tĩnh), Lê Đăng Doanh (Quảng Trị).

Với sự thất sủng của Ngô Nhân Tịnh, và việc cả Ngô Nhân Tịnh và Lê Quang Định qua đời năm 1813, liên minh của Lê Văn Duyệt, Lê Chất chắc chắn là “phe nhóm” lớn nhất ở Việt Nam đầu thế kỷ XIX. Điều này không hoàn toàn có nghĩa là nó được hiểu theo nội hàm hiện đại, đơn thuần liên quan đến tham nhũng và lũng đoạn quyền lực. Lê Chất và Lê Văn Duyệt đại diện cho thế hệ các lão thần cuối cùng của thời đại Gia Long: các tướng lĩnh quân sự trấn giữ tại địa phương trong sự đối đầu với một ông vua tham vọng tập quyền hóa, thu tóm quyền lực và thống nhất lãnh thổ.

MỘT TRIỀU ĐÌNH, HAI NỀN CHÍNH TRỊ

Quan hệ giữa Lê Văn Duyệt, Lê Chất với Minh Mệnh là một trong những ẩn số phức tạp nhất của cấu trúc chính trị Việt Nam trong những năm 1820. Lê Văn Duyệt và Lê Chất phản ánh cách thức vận hành quyền lực cũ, phân tán thời Gia Long. Minh Mệnh là hiện thân cho ý chí của nền chính trị mới ở đó lãnh thổ phải được thống nhất, điển chế, pháp độ được chuẩn hóa, và tính chính danh “quân-thần” phải được thực hành nghiêm ngặt theo lễ.²³ Cuộc tấn công của Minh Mệnh vào Thiên Chúa giáo chắc chắn

²¹ *DNTL*: I, q. 51: 17b.

²² *DNTL*, II, q. 53: 2a.

²³ Xem thêm về tư tưởng *chính danh*, Dainian Zhang, 2002. *Key Concepts in Chinese Philosophy*. New Haven: Yale University Press, pp. 461-65; và John Makeham, 1994. *Name and Actuality in Early Chinese Thought*. Albany: SUNY Press.

đã làm Lê Văn Duyệt không hài lòng. Ông đã đi theo Nguyễn Ánh từ những ngày đầu tiên, vẫn còn nhớ sự giúp đỡ của giáo sĩ phương Tây cũng như lính đánh thuê trong đạo quân đã đánh bại Tây Sơn. Ông cũng thấy vai trò của ngoại thương đối với nền kinh tế vùng hạ lưu Mekong, đặc biệt là các vũ khí mới giúp ông đủ sức đương đầu với quân Siam ở Cambodia. Với Lê Văn Duyệt, sự thịnh vượng và an toàn của vùng đất ông cai trị gắn liền với giao thương với bên ngoài. Vì thế, phản ứng của Lê Văn Duyệt và Lê Chất đối với Minh Mệnh nhằm hạn chế sức ép từ Huế là điều dễ hiểu.²⁴ Bắc Thành và Gia Định Thành đều có các trung tâm giáo dân lớn. Hai vị Tổng trấn chắc chắn không muốn tạo ra thêm kẻ thù và sự bất ổn vốn đang ngày càng gia tăng trên đôi vai của họ. Phản ứng trước chính sách này, Lê Văn Duyệt tuyên bố, theo cách được dẫn giải lại của một học giả Pháp:

“Làm sao chúng ta có thể hành hình các thầy Dòng Tây Dương? Hạt gạo [họ mang đến] vẫn ở trong miệng chúng ta! Ai đã giúp tiên đế lấy lại xã tắc? Hoàng thượng, chính ngài sẽ đánh mất nó một lần nữa. Tây Sơn sát đạo nên diệt vong. Nhà vua của Pegu [Myanmar] trục xuất các giáo sĩ, ông ta mất ngôi. [...] Mộ của giáo sĩ Pigneau [Bá Đa Lộc] vẫn còn ở đây. Không, ngài không thể làm thế khi tôi vẫn còn sống. Ngài có thể làm bất cứ điều gì ngài muốn chỉ khi nào ta chết đi.”²⁵

Nhiều lần Lê Văn Duyệt và Lê Chất gây sức ép lên Minh Mệnh bởi họ tin vào ảnh hưởng không thể thay thế về mặt quân sự. Thực tế trong những năm đầu, Minh Mệnh hoàn toàn phải dựa vào họ để ổn định tình hình. Ví dụ điển hình là năm 1824, Lê Văn Duyệt và Lê Chất quỳ khóc trước ngài vàng và yêu cầu được giải chức nếu Minh Mệnh không cho phép họ được xét xử các viên chức dưới quyền phạm tội.²⁶ Ở một khía cạnh khác của mối quan hệ phức tạp này, cũng chính Lê Văn Duyệt là người giúp Minh Mệnh ra đòn tấn công quyết định vào đối thủ chính trị và cháu mình là hoàng tôn Đán. Vào năm 1824, Đán bị cáo buộc dâm loạn với mẹ là Tổng Thị Quyên. Viên Tổng trấn được cho là đã mật tâu về Huế và nhà vua sai bắt người phụ nữ đóng cũi giải đến cho Lê Văn Duyệt đem đim chết, đồng thời giáng vị hoàng tôn làm thứ dân.²⁷ Nhờ sự trợ

²⁴ *ĐNLT*, I, q. 23: 8b; Choi Buyng Wook. 2004. *Southern Vietnam under the reign of Minh Mạng*. Ithaca, N.Y: Cornell University Press, chương II: pp.45-82.

²⁵ Adrien Charles Launay. 1894. *Histoire generate de la Societe des Missions Etrangeres*, Tome 2. Paris: Tequi, Libraire-Editeur, p. 535.

²⁶ *ĐNLT*, I, q. 24: 12a.

²⁷ *ĐNLT*, I, q. 23: 7b-8a.

giúp này, tính chính thống của Minh Mệnh trên điện Thái Hòa vững chắc hơn bao giờ hết.

Thực tế, vị vua Nguyễn đã phải thỏa hiệp với Lê Văn Duyệt và Lê Chất trong những năm đầu cai trị nhằm củng cố ngai vàng, triệt hạ các thế lực chống đối cũng như bình định tình hình hai miền. Mặc dù vậy, việc phong tước và ban thưởng hậu hĩnh cho gia đình cũng như bản thân hai viên tướng này không làm họ hài lòng hơn bởi Huế ngày càng muốn can thiệp vào tình hình hai thành, cũng như tìm cách kết nối chúng vào không gian hành chính thống nhất của Việt Nam, từ việc luân chuyển lúa gạo đến binh lính và quan lại. Minh Mệnh sẽ mất $\frac{3}{4}$ quãng thời gian trị vì của mình để sắp đặt nên một nhà nước Đại Nam như ông mong muốn.

DỰ ÁN CHÍNH TRỊ CỦA MINH MỆNH

Giành ngôi thái tử năm 1816, lên ngôi năm 1820, nhà vua thứ hai của triều Nguyễn có tham vọng thiết lập một thể chế chính trị toàn vẹn mà “vạn thế có thể noi theo” (萬世遵循).²⁸ Trọng tâm của công cuộc này không chỉ hoàn thiện bộ máy hành chính còn dang dở ở Huế mà còn là việc xóa bỏ cơ cấu “tự trị” tại Bắc Thành và Gia Định Thành. Đây cũng chính là trung tâm của xung đột quyền lực nửa đầu thời Minh Mệnh. Dù không hài lòng với hai viên nhất phẩm đại thần, Chương quân, Tổng trấn, ông có chiến thuật riêng để dần loại bỏ ảnh hưởng của họ. Thành công của ông trong việc chống lại xu thế bè phái và lũng đoạn quyền lực dựa trên ba công cụ chủ yếu.

Thứ nhất, nhà vua tập trung đào tạo lớp nho sĩ mới, những người trung thành với ông và có cùng ý chí thực hiện dự án chính trị tập quyền hóa. Bằng việc mở khoa thi chọn tiến sĩ ngay sau khi lên ngôi (1822), hơn một thập kỷ sau đó, ông có trong tay gần 80 tiến sĩ và phó bảng để thay thế cho các cựu thân và tướng lĩnh cũ.²⁹ Ngay trong những tháng đầu tiên trên ngai vàng, ông tiến hành “tái cơ cấu” lại Văn thư phòng. Năm 1829, ông cải tổ thành Nội Các với chức năng không chỉ là một văn phòng thư ký hoàng cung mà còn là công cụ giúp giám sát hoạt động của toàn bộ hệ thống hành chính.³⁰ Các thành viên Nội Các sẽ do ông lựa chọn: Hoàng Quýnh, Trương Đăng Quế, Hà Tông Quyền, Phan Thanh Giản... trở thành hạt nhân của nền chính trị mới.

²⁸ *DNTL*, II q. 71: 21a-b.

²⁹ Nola Cooke. “The Composition of the Nineteenth-Century Political Elite of Pre-Colonial Nguyen Vietnam (1802–1883),” *Modern Asian Studies* 29, no. 4 (1995): 741–64.

³⁰ Minh Mệnh đồng thời cũng khuyến khích các cơ quan hành chính khác giám sát hoạt động của Nội Các. *DNTL*, II, q. 64: 3b-4a.

Thứ hai, Minh Mệnh sử dụng công cuộc cải cách hành chính và lãnh thổ như một đòn bẩy để “thay máu” nền chính trị. Dùng sự phức tạp của nền cai trị hậu chiến để đẩy phe “quân sự” dần rút lui khỏi địa hạt chính quyền. Trong dự về thành lập Nội Các năm 1829, nhà vua tỏ ra cẩn trọng đặc biệt đối với quyền thần, bè phái và quyết tâm sử dụng sự ràng buộc thể chế để kiểm soát hệ thống thay vì đặt niềm tin vào các cá nhân.³¹

Lê Văn Duyệt và Lê Chất chống lại dự án cải cách hành chính với sự gia tăng lễ nghi triều đình và sự phức tạp hóa của nền chính trị. Khi Trịnh Hoài Đức được yêu cầu tham khảo điển chế cũ để tấu lên thi hành, hai người này tấu công Trịnh Hoài Đức và cáo buộc ông thao túng vị vua mới.³² Hành động này không gì khác là sự chỉ trích trực diện vào kế hoạch tâm huyết của Minh Mệnh. Tuy nhiên, sự gia tăng của hàng ngũ các quan văn trung thành bên cạnh Minh Mệnh chắc chắn đã làm thay đổi cán cân quyền lực trong triều. Huế cũng tìm cách giới thiệu các võ tướng và chỉ huy quân sự mới như Tạ Quang Cự, Nguyễn Công Trứ, những người cho thấy uy thế quân sự “bất khả thay thế” của Lê Văn Duyệt, Lê Chất đang bị lung lay. Trong vòng 7 năm, Tạ Quang Cự từ một cai đội đưa lên hàm thống chế và nhanh chóng trở thành vị tướng được Minh Mệnh yêu thích. Những khuôn mặt này không chỉ tạo ra thay đổi cấu trúc quyền lực trên sân khấu vương triều mà còn thúc đẩy định hình một nền văn hóa chính trị mới. Nó thúc ép Lê Văn Duyệt, Lê Chất, những người “tính nóng nảy”, “nói năng không theo lễ độ” phải thực hành các nghi lễ và quy phạm hành chính phức tạp. Lê Chất được cho đã phàn nàn rằng: nay triều đình dùng văn thần để sắp đặt nền chính trị. Lũ võ biền như ông tốt nhất là dâng biểu xin từ chức hai thành, về kinh châu hầu thì may ra mới không có tội lỗi gì. Việc hai người này quỳ khóc trước Minh Mệnh và “đe dọa” trả ấn tín, không gì khác là gây sức ép lên cuộc cải cách thiết chế hóa hệ thống hành chính và tập quyền hóa lãnh thổ của ông.³³

Minh Mệnh đã không dừng bước.

Bảng II. Thay đổi cấu trúc quyền lực trong triều đình Huế, 1824-1835

1825			
Quan võ	Năm mất	Quan văn	Năm mất
Lê Văn Duyệt	1832	Trịnh Hoài Đức	1825
Lê Chất	1826	Phạm Đăng Hưng	1825

³¹ Châu bản Minh Mệnh, Trung tâm lưu trữ Quốc gia I, tờ 83, tập 40.

³² *ĐNLT*, I, q. 24: 10b.

³³ *ĐNLT*, I, q. 23: 8b.

Nguyễn Đức Xuyên	1824	Nguyễn Hữu Thận	1831
Tổng Phước Lương	----	Hoàng Kim Xán	1832
Trương Tiến Bửu	1827	Trần Lợi Trinh	----
Trần Văn Năng	1834	Nguyễn Khoa Minh	1837
Nguyễn Văn Thoại	1829	Phan Huy Thực	1844
Phan Văn Thúy	1833	Lê Đăng Doanh	----
1835			
Quan võ	Năm mất	Quan văn	Năm mất
Nguyễn Văn Xuân	1837	Trương Đăng Quế	1867
Trần Văn Năng	1834	Hà Tông Quyền	1839
Tạ Quang Cự	1862	Nguyễn Khoa Minh	1837
Phạm Văn Điền	1842	Thân Văn Quyền	1836
Trương Minh Giảng*	1841	Phan Bá Đạt	1846
Doãn Uẩn*	1850	Phan Thanh Giản	1867
Nguyễn Công Trứ*	1858	Vũ Xuân Cẩn	1852
Lê Đại Cương*	1847	Hoàng Quýnh	1839
Nguyễn Tri Phương	1874	Nguyễn Đăng Tuân	1844

Nguồn: *ĐNTL, ĐNLT*, Quan lại lý lịch, bản chép tay, Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ, NHv. 155.

Chú giải: *: điều đáng lưu ý là sau thế hệ tướng lĩnh đầu tiên thời Gia Long, ngày càng nhiều võ quan hoặc chỉ huy quân sự xuất thân từ hàng ngũ văn quan như Trương Minh Giảng, Nguyễn Công Trứ, Doãn Uẩn, Lê Đại Cương.

Khi Lê Chất qua đời năm 1826 và Lê Văn Duyệt qua đời năm 1832, tình thế ở Huế đã thay đổi (xem bảng II). Thế hệ lão thần theo Gia Long từ trước năm 1802 gần như đã rời khỏi sân khấu chính trị. Thay vào đó là các nhà khoa cử do Minh Mệnh lựa chọn và sẽ trung thành với ông theo hệ thống lễ giáo và các quy tắc mà cả hai cùng tôn thờ, những người ý thức rõ ràng rằng Minh Mệnh căm ghét hai điều: tham nhũng và bè phái.

Thứ ba, Minh Mệnh dùng hình pháp nghiêm khắc để ngăn chặn nguy cơ xuất hiện phe phái và lũng đoạn quyền lực, cho dù đó là những dấu hiệu nhỏ nhất. Không chỉ cấm quan lại làm quan tại quê nhà; kết hôn ở nơi cai trị; kết giao, hôn nhân với vương công; coi thi, chấm thi khi có người nhà ứng thí; bổ dụng quan lại có quan hệ dòng tộc cùng cơ quan..., ông chủ động răn đe bất cứ nguy cơ tiềm ẩn nào của phe cánh và tham nhũng quyền lực. Khi Trương Đăng Quế và Phan Thanh Giản cùng dâng bài tụng tứ tuần (mừng sinh nhật lần thứ 40), kể về thành tích của vua từ lúc lên ngôi, Minh Mệnh giận dữ “ném trả” bản tấu và phê rằng “Bọn người không lo cố gắng làm hết chức phận, cứ ngày thêm làm lỗi, nay lại làm bài văn vô dụng này đối với làm lỗi có bỏ ích

gì? Trẫm có thích nịnh ngoài mặt đâu? Vậy ném trả lại và truyền chỉ quở mắng.”³⁴ Bốn năm trước, khi Trương Đăng Quế còn đang làm Thượng bảo Thiếu khanh ở Nội Các, can dự của ông và Trần Duy Trinh vào kết quả xử án của Hình Bộ làm nhà vua giận dữ. Trần Duy Trinh bị mang ra xiềng và vị hoàng đế tuyên bố:

“Ngạn ngữ có câu: Thà gặp hổ dữ chứ không nên gặp kẻ cận thần. Lũ này ngày nay còn muốn điên đảo phải trái, thêm bớt tội người. Nếu đổi đặt Nội Các, quyền vị hơi cao thì còn ra sao nữa? May ta tuổi hãy chưa cao, xét đoán chưa lười, cho nên không bị bọn ấy đánh lừa. Không kể sau này gặp phải chúa trung tài thì quyền bính về tay kẻ dưới sẽ đáng lo lắng, ngày trẫm một mai mỗi một chắc gì không bị bọn ấy chuyên quyền.”³⁵

Sự giận dữ này phản ánh nỗi ám ảnh của nhà vua đối với quyền thần và phe cánh mà bản thân ông đã mất nhiều thập kỷ để thoát ra khỏi cái bóng của Nguyễn Văn Thành, Lê Chất, hay Lê Văn Duyệt. Nhà vua cũng là một học trò xuất sắc của lịch sử đã không quên nhắc nhở quần thần rằng, “Minh Thế tông dùng Nghiêm Tung, Thanh Cao tông dùng Hoà Thân, đều bị chúng che lấp tai mắt, tự làm uy phúc, gần đến loạn nước, gương sáng ấy thực cũng chẳng xa.”³⁶

Các phái viên và quan chức thân cận của Minh Mệnh cũng đóng vai trò quan trọng trong nỗ lực giải tán các phe phái và răn đe sự kết bè đảng của quan chức. Hoàng Quýnh và Bạch Xuân Nguyên là những ví dụ sống động. Hoàng Quýnh là người hầu cận thân thiết của nhà vua khi ông còn là hoàng tử, được bổ vào các sứ mệnh quan trọng như ở Văn Thư Phòng, Nội Các và sau đó phái vào Nam Kỳ và Cambodia trong nỗ lực thu thập tin tức giúp Minh Mệnh. Bạch Xuân Nguyên được sử dụng trong một sứ mệnh đặc biệt khác khi ông được nhà vua cử vào Gia Định nhằm kiểm soát tình hình sau cái chết của Lê Văn Duyệt, tìm bằng chứng phạm tội và tấn công phe nhóm còn lại của vị tổng trấn cũ.³⁷ Sự hỗn loạn do Bạch Xuân Nguyên gây ra sẽ dẫn đến một cuộc chiến thảm khốc mà sau đó các vết tích tự trị của thành trấn này hoàn toàn bị xóa sổ.

KẾT LUẬN

³⁴ *ĐNTL*, II, q. 65: 32a-b.

³⁵ *ĐNTL*, II, q. 63: 23a-b.

³⁶ *ĐNTL*, II, q. 64: 3b-4a.

³⁷ *ĐNLT*, I, q. 23: 16b-17a.

Rõ ràng vị quan quyền uy nhất ở Huế (1833-1863) Trương Đăng Quế đã học được nhiều điều từ lần bị “ném trả” tờ tấu, hay chứng kiến đồng nghiệp bị xiềng giữa sân điện. Ông sẽ áp dụng những điều học được trong cuộc đời làm quan kéo dài 43 năm, phò tá Thiệu Trị và Tự Đức cho đến khi nghỉ hưu năm 1863 với tư cách như một “tể tướng”. Mặc dù chắc chắn là ông đã giữ vai trò cốt yếu trong một biến động cung đình khác vào năm 1847, tìm cách thu tóm nền chính trị đầu thời Tự Đức, và ra tay loại bỏ các đối thủ chính trị là Nguyễn Đăng Tuân và Nguyễn Tri Phương,³⁸ chúng ta thấy Trương Đăng Quế làm tất cả điều đó một cách khéo léo nhằm hạn chế tối đa sự quay trở lại của xung đột bè phái và tranh chấp quyền lực thảm khốc trong vương triều như cách mà phe Lê Văn Duyệt, Lê Chất đã làm với Nguyễn Văn Thành và các đồng minh của ông.

Điều đáng tiếc là nền cầm quyền ngắn ngủi của Thiệu Trị (1841-1847) và sự yếu ớt của Tự Đức (1847-1883) đã không thể tiếp tục duy trì hệ thống do Minh Mệnh tạo ra. “Quyền lực có xu thế tha hóa.” (Power tends to corrupt).³⁹ Đó là những gì chúng ta sẽ thấy ở Huế dưới thời Thiệu Trị và Tự Đức. Quan liêu hóa là hệ quả tất yếu của các hệ thống hành chính, đặc biệt là khi hệ thống bắt đầu được vận hành dựa vào một vài cá nhân quyền lực. Minh Mệnh sử dụng bàn tay mạnh và cơ chế giám sát chéo để bảo đảm không một quan chức nào có thể lũng đoạn nền triều chính. Việc ông đọc và châu phê hàng chục nghìn tấu sớ trong hai thập kỷ cầm quyền cho thấy không chỉ sự tinh táo và chặt chẽ trong quản lý hệ thống hành chính mà còn là khả năng làm việc đủ sức bao quát các mối quan hệ quyền lực.⁴⁰ Cháu của ông, Tự Đức hoàn toàn không có khả năng làm việc và ý chí chính trị mạnh mẽ đó. Năm 1862, ông yêu cầu đình thần tìm cách quay lại thể chế của thời kỳ Gia Long, khi các quan chức cấp cao chịu trách nhiệm đọc duyệt tấu sớ trước khi đưa các vấn đề hệ trọng ra bàn bạc với nhà vua.⁴¹ Kỳ nguyên của các viên đại thần đã quay trở lại. Trương Đăng Quế, Phan Thanh Giản, Lâm Duy Thiếp, Nguyễn Tri Phương, Trần Tiễn Thành... sẽ nắm giữ hệ thống thông tin và kiểm soát triều đình, đúng lúc Huế cần một ông vua quyết đoán có tầm nhìn thực tế.

³⁸ Yoshiharu Tsuboi. 1987. *L'Empire Vietnamien face a la France et a la Chine, 1847—1885*. Paris: Editions L'Harmattan: chương VI, mô tả về Trương Đăng Quế và các vị đại thần triều Nguyễn, pp. 147-176.

³⁹ Roland Hill. 2000. *Lord Action*. New Haven: Yale University Press, p. xi.

⁴⁰ Về hệ thống văn bản hành chính này, xem Vũ Đức Liêm. *Biểu tượng hóa ngôn ngữ quyền lực: cấu trúc và tổ chức văn bản học của văn bản hành chính hoàng cung triều Nguyễn, 1802-1841*. Tạp chí *Văn thư – Lưu trữ Việt Nam*, số 12/2016: 59-68, số 1/2017: 43-49.

⁴¹ *ĐNTL*, IV, q. 27: 9a-b.

Cuối cùng, mạng lưới và phe phái là sản phẩm của sự vận hành các hệ thống chính trị của loài người nơi các cá nhân tập hợp lại với nhau dưới cùng một mục tiêu hay lợi ích. Đấu tranh phe phái vì thế luôn song hành cùng lịch sử loài người và chi phối sự thăng trầm của các xã hội. Chúng không phải là đặc sản riêng có của triều Nguyễn, tuy nhiên đã gây ra ảnh hưởng cực kỳ nghiêm trọng, đe dọa sự thống nhất và ổn định của nền chính trị vương triều đầu thế kỷ XIX. Chính quyết tâm chính trị của Minh Mệnh và một hệ thống được tổ chức, giám sát chặt chẽ đã giúp ông củng cố quyền lực và ngăn chặn nguy cơ phe phái. Lịch sử ghi nhận đóng góp này, nhờ đó sự thống nhất chính trị và lãnh thổ của nước Việt Nam hiện đại được bảo tồn. Đây là ví dụ cho thấy hiệu quả của một chính quyền mạnh và một ông vua tài năng có đủ khả năng “đẹp loạn” trong triều đình, và giúp tạo ra sự ổn định chính trị cho quốc gia./